STT	SBD	Họ Tên	Mã trường	Mã ngành
1	15003820	CÙ LỆ NHẬT QUYÊN	HTN	Luật
2	12016849	HOÀNG THỊ NGỌC NGÀ	HTN	Luật
3	07001561	TẨN THỊ KIM THU	HTN	Luật
4	27005515	NGUYỄN NGỌC QUYÊN	HTN	Luật
5	48008469	HUỲNH THỊ THÚY HẰNG	HTN	Luật
6	10004497	NÔNG THỊ HẢO	HTN	Luật
7	24005864	ĐINH THÀNH CÔNG	HTN	Luật
8	26019226	ĐỖ THỊ MỪNG	HTN	Luật
9	61010676	LÊ NGỌC THẢO	HTN	Luật
10	17012576	VŨ THỊ TÂM	HTN	Luật
11	14005347	ĐINH VĂN TRÌNH	HTN	Luật
12	14010688	LƯỜNG THỊ CÚC	HTN	Luật
13	07003082	ĐOÀN THU HOÀI	HTN	Luật
14	18011180	TRỊNH THỊ QUỲNH ANH	HTN	Luật
15	29014004	NGUYỄN THỊ MỸ HOA	HTN	Luật
16	03022608	NGUYỄN QUẾ ANH	HTN	Luật
17	01002179	NGUYỄN ANH TÚ	HTN	Luật
18	01005076	NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	HTN	Luật
19	01041989	NGUYỄN MINH THẮNG	HTN	Luật
20	03000560	NGUYỄN THỊ THƯƠNG	HTN	Luật
21	08005868	VŨ ĐAN PHƯỢNG	HTN	Luật
22	15006280	NGUYỄN HẢI ĐĂNG	HTN	Luật
23	17013803	LÂM HỒNG HẠNH	HTN	Luật
24	23003616	BÙI THỊ KHÁNH HUYỀN	HTN	Luật
25	01008431	LÊ PHẠM MINH PHƯƠNG	HTN	Luật
26	08004409	NGUYỄN HỒNG NHUNG	HTN	Luật
27	12001650	NÔNG THỊ ÁNH LỆ	HTN	Luật
28	13002771	BÙI THỊ MAI HƯƠNG	HTN	Luật
29	17003457	NGUYỄN THỊ HƯƠNG LAN	HTN	Luật
30	28004497	NGUYỄN THỊ THANH THANH	HTN	Luật
31	62005840	LƯỜNG THỊ TRIỆU	HTN	Luật
32	08001253	DƯƠNG GIA NINH	HTN	Luật
33	01006708	NGUYỄN NGỌC ANH	HTN	Luật
34	01018974	ĐINH CÔNG ĐOÀN	HTN	Luật
35	01021920	NGUYỄN KHÁNH LINH	HTN	Luật
36	03003340	ĐỖ THỊ HẢI YẾN	HTN	Luật
37	05002303	HOÀNG THỊ DIỄU	HTN	Luật
38	10001953	NGUYỄN VŨ HỒNG THẮM	HTN	Luật
39	17001854	TRẦN XUÂN ĐỨC	HTN	Luật
40	22000386	PHAN VĂN CÔNG	HTN	Luật
41	22008539	BÁ THỊ NGỌC QUỲNH	HTN	Luật
42	28035534	NGUYỄN HOÀNH VĂN	HTN	Luật
43	62001674	MÙA THỊ DUYÊN	HTN	Luật
44	22013768	NGUYỄN VĂN TÀI	HTN	Luật
45	01015543	PHAN DUY HƯNG	HTN	Luật
46	01039541	PHẠM THANH HƯƠNG	HTN	Luật
47	01079352	NGUYỄN THỊ THU TRANG	HTN	Luật
48	02039887	PHAN THỊ THẢO	HTN	Luật
49	07003353	LÒ THỊ HOÀNG TUYẾT	HTN	Luật
50	12001965	LƯƠNG THANH TRÀ	HTN	Luật
51	14002013	LÒ THỊ HỒNG	HTN	Luật
52	14010968	VÌ THỊ QUY	HTN	Luật
53	17001682	NGUYỄN ANH THƯ	HTN	Luật
54	17008662	NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG	HTN	Luật
55	17011442	TRẦN THÁI SƠN	HTN	Luật

56	23000221	HOÀNG NGỌC ANH	HTN	Luật
57	28002431	NGUYỄN HỮU MINH	HTN	Luật
58	46009225	LẠI THỊ THANH TUYỀN	HTN	Luật
59	47007790	TRẦN CÔNG MINH	HTN	Luật
60	24004240	NGUYỄN CHÍNH THIỆN	HTN	Luật
61	01009775	NGUYỄN TIẾN ANH	HTN	Luật
62	01058670	MA QUANG ĐƯỢC	HTN	Luật
63	01090387	VŨ THỊ HUỆ	HTN	Luật
64	05001298	ĐINH QUỲNH CHI	HTN	Luật
65	14006184	ĐỖ NGỌC HÀ	HTN	Luật
66	14006484	ĐOÀN THỊ THU PHƯƠNG	HTN	Luật
67	14011015	VÌ THANH TÙNG	HTN	Luật
68	15001664	TẠ TRƯỜNG GIANG	HTN	Luật
69	16013206	ĐỖ NGUYỄN HUYỀN THANH	HTN	Luật
70	17013522	TRỊNH HOÀNG LÂM	HTN	Luật
71	18016520	NGUYỄN NGỌC LINH	HTN	Luật
72	19008300	NGUYỄN ĐỨC DŨNG	HTN	Luật
73	23007489	LÊ PHƯƠNG THẢO	HTN	Luật
74	26009243	NGUYỄN THỊ THANH THẢO	HTN	Luật
75	28031032	MAI TRUNG NGUYÊN	HTN	Luật
76	29006123	HOÀNG MẠNH TIẾN	HTN	Luật
77	29018586	ĐẬU THU HUYỀN	HTN	Luật
78	29029197	NGUYỄN BÍCH NGỌC	HTN	Luật
79	61001671	NGUYỄN TUẤN KIỆT	HTN	Luật
80	22011205	NGUYỄN HỒNG TRANG	HTN	Luật
81	01015713	NGUYỄN TRỌNG BẢO LONG	HTN	Luật
82	01022250	LÊ PHƯƠNG NGUYÊN	HTN	Luật
83	01031432	ĐÀO LONG QUÂN	HTN	Luật
84	01037207	NGUYỄN DIỆU LINH	HTN	Luật
85	01038205	NGUYỄN TRẦN MINH ANH	HTN	Luật
86	01042697	VŨ TRẦN PHƯƠNG HUYỀN	HTN	Luật
87	01074067	PHẠM THỊ PHƯƠNG THẢO	HTN	Luật
88	01089635	NGUYỄN THỊ DỊU	HTN	Luật
89	01100332	NGUYỄN ĐỨC VƯƠNG	HTN	Luật
90	02028329	NGUYỄN VŨ TÚ TRÂM	HTN	Luật
91	06004209	ĐẶNG THỊ HỒNG PHƯỢNG	HTN	Luật
92	17004506	NGUYỄN THỊ KIM CÚC	HTN	Luật
93	17010090	ĐỖ TIẾN ĐẠT	HTN	Luật
94	18011988	NGUYỄN QUANG NGUYÊN	HTN	Luật
95	21012217	TRỊNH TIẾN ĐẠT	HTN	Luật
96	21016316	ĐẶNG THẾ BÁCH	HTN	Luật
97	26015625	TẠ DUY LỢI	HTN	Luật
98	28004613	LÊ HẢI ANH	HTN	Luật
99	01007324	NGUYỄN THANH TRÀ	HTN	Luật
100	01064543	BÀN QUANG HÀ	HTN	Luật
101	01083884	NGUYỄN THỊ TUYẾT	HTN	Luật
102	17001527	LƯU THỊ MINH NGHĨA	HTN	Luật
103	18019720	DƯƠNG QUẾ CHI	HTN	Luật
104	49003542	TRẦN THỊ NHƯ NGỌC	HTN	Luật
105	01005724	VƯƠNG DIỆU LINH	HTN	Luật
106	01008149	TRƯƠNG THẾ HÙNG	HTN	Luật
107	01027683	DƯƠNG HẢI QUYÊN	HTN	Luật
108	01031267	TRƯƠNG NGỌC ÁNH	HTN	Luật
109	01031938	TRƯƠNG CÔNG ĐỊNH	HTN	Luật
110	01032894	LƯƠNG NGỌC TUẤN	HTN	Luật
111	18001711	DƯƠNG TRUNG THÀNH	HTN	Luật

112	27005497	TẠ THIÊN PHÚ	HTN	Luật
113	28019440	NGUYỄN VĂN ĐỨC	HTN	Luật
114	53005314	TRẦN PHAN MỸ DUYÊN	HTN	Luật
115	01007049	TRẦN THỊ VÂN ANH	HTN	Luật
116	01007977	LÊ LƯU MINH HẰNG	HTN	Luật
117	01053989	NGUYỄN THỊ QUỲNH ANH	HTN	Luật
118	01074923	LƯU HỮU HÙNG	HTN	Luật
119	01099502	TRƯƠNG VIỆT HUY	HTN	Luật
120	10006231	HOÀNG THỊ NHẬT LINH	HTN	Luật
121	14006995	TRẦN MẠNH QUÂN	HTN	Luật
122	25002876	HOÀNG QUANG HUY	HTN	Luật
123	26004906	NGUYỄN THỊ MAI PHƯƠNG	HTN	Luật
124	40001024	TRẦN THỊ NHƯ QUỲNH	HTN	Luật
125	47006174	HOÀNG KHẮC QÚY	HTN	Luật
126	01007125	ĐẶNG GIA BẢO	HTN	Luật
127	03014892	NGUYỄN THÚY HƯỜNG	HTN	Luật
128	19004625	NGUYỄN QUANG NAM	HTN	Luật
129	63000880	LƯƠNG THỊ LỊCH	HTN	Luật
130	01007304	NGUYỄN QUỲNH PHƯƠNG	HTN	Luật
131	01029132	LÊ HƯƠNG GIANG	HTN	Luật
132	01030408	NGUYỄN THU THẢO	HTN	Luật
133	01034931	ĐỖ THỊ DIỄM QUỲNH	HTN	Luật
134	01043601	TRẦN XUÂN NAM	HTN	Luật
135	01052133	TRẦN QUỐC VIỆT	HTN	Luật
136	01077841	NGUYỄN VĂN THÀNH HIỆP	HTN	Luật
137	07002253	LÒ KIM ĐÔNG	HTN	Luật
138	17000945	ĐOÀN NAM PHONG	HTN	Luật
139	17001923	LƯƠNG HÀ KIỀN	HTN	Luật
140	18015502	NGUYỄN MAI LINH	HTN	Luật
141	21021292	TÔ THỊ LAN HƯƠNG	HTN	Luật
142	32007936	LÊ THỊ XUÂN	HTN	Luật
143	38004158	TRẦN THỊ THANH THẢO	HTN	Luật
144	01030591	PHẠM VĂN MINH	HTN	Luật
145	01082585	VŨ MẠNH ĐẠT	HTN	Luật
146	15013210	HÀ THỊ XUYẾN	HTN	Luật
147	18020907	DƯƠNG THỊ HOÀI THU	HTN	Luật
148	28005515	NGUYỄN BÁ HUY CHƯƠNG	HTN	Luật
149	28024122	NGUYỄN BÁ DƯƠNG	HTN	Luật
150	30003688	PHẠM LONG VŨ	HTN	Luật
151	01063414	PHÙNG QUANG MẠNH	HTN	Luật
152	01016279	THỊNH THANH THANH	HTN	Luật
153	01101139	ĐÀO NGUYÊN NGỌC	HTN	Luật
154	01006226	NGUYỄN THÀNH NAM	HTN	Luật
155	01024000	PHẠM ĐỨC ANH	HTN	Luật
156	01034315	CHU HỒNG ANH	HTN	Luật
157	01041351	DƯƠNG QUỐC CƯỜNG	HTN	Luật
158	01059396	VI LỘC SA	HTN	Luật
159	03008354	ĐỖ HẢI NGÂN	HTN	Luật
160	12001515	PHẠM THỊ HOA	HTN	Luật
161	02039352	TRẦN NGUYỄN VY KHANH	HTN	Luật
162	01068564	ĐỖ VŨ QUỐC KHÁNH	HTN	Luật
163	01015110	NGUYỄN TRUNG HIẾU	HTN	Luật
164	01027005	NGUYỄN THÀNH NAM	HTN	Luật
165	01028689	NGUYỄN THÁI LONG	HTN	Luật
166	01032757	NGUYỄN THỊ HÀ TRANG	HTN	Luật
167	01034374	HOÀNG LAN ANH	HTN	Luật

168	01056325	HOÀNG BẢO KHÁNH	HTN	Luật
169	13002826	HỨA THỊ QUỲNH NGÂN	HTN	Luật
170	14009718	LƯỜNG THỊ THANH NHƯ	HTN	Luật
171	21015836	ĐINH XUÂN HIẾU	HTN	Luật
172	36003912	CAO ĐÌNH VŨ	HTN	Luật
173	01033428	NGUYỄN ĐỨC THÁI LÂM	HTN	Luật
174	01036428	NGUYỄN TRUNG HIẾU	HTN	Luật
175	01040661	NGUYỄN ĐỨC VINH	HTN	Luật
176	07001435	LÊ VĂN TỈNH	HTN	Luật
177	10004212	HOÀNG VĂN LIÊM	HTN	Luật
178	12015377	ĐẶNG THỊ THU PHƯƠNG	HTN	Luật
179	15001432	HOÀNG MINH QUÂN	HTN	Luật
180	17003565	ĐIỆP THỊ PHƯỢNG	HTN	Luật
181	23008438	ĐỖ THỊ QUỲNH TRANG	HTN	Luật
182	23008523	QUÁCH KIỀU TRANG	HTN	Luật
183	30003420	TRẦN ĐẠI PHONG	HTN	Luật
184	62004944	CHANG A CHÙA	HTN	Luật
185	26016226	TRẦN THANH HUYỀN	HTN	Luật
186	01030466	HOÀNG QUANG VŨ TIẾN	HTN	Luật
187	01073047	ĐÀO HỒNG THÚY ANH	HTN	Luật
188	01079187	NGUYỄN NGỌC THÀNH	HTN	Luật
189	01085400	NGUYỄN THỊ THU HÀ	HTN	Luật
190	03010862	ĐÀO THỊ NGA	HTN	Luật
191	26001682	LẠI THẾ VƯƠNG	HTN	Luật
192	27007407	TRẦN THỊ THÙY LINH	HTN	Luật
193	62002279	QUÀNG NHẬT TRƯỜNG	HTN	Luật
194	17005622	NGUYỄN MINH TÂN	HTN	Luật
195	24000769	TẠ THỊ PHƯƠNG	HTN	Luật
196	01002999	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG NGA	HTN	Luật
197	01013879	HỒ TÚ NGÂN	HTN	Luật
198	06004218	CAM THỊ THẢO	HTN	Luật
199	14007871	HÀ THỊ THU	HTN	Luật
200	21018723	NGUYỄN THÙY LINH	HTN	Luật
201	26019361	TRẦN THỊ HUYỀN TRANG	HTN	Luật
202	62002408	LÒ THỊ HƯƠNG GIANG	HTN	Luật
203	01024962	NGUYỄN MINH HIẾU	HTN	Luật
204	01078689	NGUYỄN HOÀNG THẢO NGUYÊN	HTN	Luật
205	10000496	TRẦN HUYỀN TRANG	HTN	Luật
206	15004308	BÙI THỊ THANH THUYẾT	HTN	Luật
207	17001936	PHẠM THỊ LỊCH	HTN	Luật
208	17008211	ĐÀO PHƯƠNG ANH	HTN	Luật
209	18020603	TRỊNH NAM HƯNG	HTN	Luật
210	21021096	NGUYỄN TUẤN ANH	HTN	Luật
211	26014330	NGUYỄN ĐỨC ANH	HTN	Luật
212	34003217	NGUYỄN MINH THẢO	HTN	Luật
213	62002316	NGUYỄN THỊ XUÂN	HTN	Luật
214	21012556	BÙI THÀNH NAM	HTN	Luật
215	01002746	KHƯƠNG ĐÌNH QUÂN	HTN	Luật
216	01004886	PHẠM GIA HUY	HTN	Luật
217	01038104	HOÀNG NGỌC ANH	HTN	Luật
218	15003523	NGUYỄN MINH TÂM	HTN	Luật
219	22001837	TRẦN ĐỨC HUY	HTN	Luật
220	28031043	MAI THỊ NHUNG	HTN	Luật
221	29002299	LÝ KHÁNH NHẬT	HTN	Luật
222	01007513	VŨ HOÀNG DUY	HTN	Luật
223	01010286	ĐỖ NGỌC GIA BẢO	HTN	Luật

224	01015471	NGUYỄN THỊ THU HUẾ	HTN	Luật
225	01029278	TẠ HỮU HIỆP	HTN	Luật
226	01053868	NGÔ KIM ANH	HTN	Luật
227	01067500	NGUYỄN ĐÌNH ĐỨC	HTN	Luật
228	13002750	NÔNG THỊ HOA	HTN	Luật
229	17003413	HÀ THỊ THANH HUYỀN	HTN	Luật
230	19001907	ĐỖ MINH HẰNG	HTN	Luật
231	25006433	ĐÀO ANH VŨ	HTN	Luật
232	25010378	ĐẶNG ĐÌNH NAM	HTN	Luật
233	42009551	NGUYỄN THỊ HƯƠNG TRÀ	HTN	Luật
234	60003559	HỒ NGUYỄN NGUYỆT NHI	HTN	Luật
235	01037984	LÊ THU PHƯƠNG	HTN	Luật
236	01029973	HOÀNG DIỄM QUỲNH	HTN	Luật
237	01040024	NGÔ QUANG MINH	HTN	Luật
238	01040358	NGUYỄN LAN NHI	HTN	Luật
239	01042860	NGUYỄN DUY TÚ	HTN	Luật
240	01097519	HOÀNG HỒNG ANH	HTN	Luật
241	02039120	NGUYỄN DƯƠNG THỊ NGỌC ÁNH	HTN	Luật
242	15002286	ĐOÀN HÀ MAI LINH	HTN	Luật
243	15012566	PHẠM BÙI PHƯƠNG THANH	HTN	Luật
244	26017153	ĐINH QUANG HUY	HTN	Luật
245	31007428	TRẦN MINH TRÀ MY	HTN	Luật
246	01005820	NGÔ THIỀU YẾN NHI	HTN	Luật
247	01021130	TRIỆU BÁCH VIỆT	HTN	Luật
248	10009258	ĐẶNG QUÝ HÀ	HTN	Luật
249	21002459	NGUYỄN THỊ THU HUYỀN	HTN	Luật
250	28039306	LÊ THU HIỀN	HTN	Luật
251	01005635	NGUYỄN LÊ BẢO LINH	HTN	Luật
252	01012173	NGUYỄN ANH TUẤN	HTN	Luật
253	01036357	NGUYỄN HỮU QUANG TÙNG	HTN	Luật
254	01096139	NGUYỄN THỊ HẢI YẾN	HTN	Luật
255	09000920	LÊ PHƯƠNG LINH	HTN	Luật
256	12008767	NGUYỄN VĂN HÙNG	HTN	Luật
257	12010099	TRẦN TRUNG HIẾU	HTN	Luật
258	17008206	VŨ XUÂN AN	HTN	Luật
259	19009398	LƯU NGỌC MAI	HTN	Luật
260	22006245	LƯƠNG THỊ HUYỀN	HTN	Luật
261	25020863	TRẦN VĂN THIÊN	HTN	Luật
262	01011270	TRƯƠNG NGỌC ĐẠI	HTN	Luật
263	01021352	ĐINH HOÀNG LAN	HTN	Luật
264	01025821	PHẠM QUANG KHẢI	HTN	Luật
265	01040461	TRƯƠNG VŨ MINH PHƯƠNG	HTN	Luật
266	01043536	LƯU QUANG MINH	HTN	Luật
267	01047970	NGUYỄN THỊ THÁI THÁI NGỌC	HTN	Luật
268	01077419	BÙI ĐỨC ĐẠT	HTN	Luật
269	01080725	NGUYỄN THỊ HOA	HTN	Luật
270	01099248	TRẦN QUANG TOÀN	HTN	Luật
271	07003062	BÀN ĐỨC GIANG	HTN	Luật
272	14002060	NGUYỄN THU LIÊN	HTN	Luật
273	17007692	NGUYỄN THỊ QUỲNH TRANG	HTN	Luật
274	23009023	HOÀNG DƯƠNG TÙNG	HTN	Luật
275	31002252	PHẠM HÀ TUYÊN	HTN	Luật
276	01026089	ĐINH HỒNG VÂN	HTN	Luật
277	26019562	TRẦN THU HƯƠNG	HTN	Luật
278	01001546	KIM ĐÔNG HUY	HTN	Luật
279	01026534	NGUYỄN TẤT THẮNG	HTN	Luật

280	01032123	LÊ THU THẢO	HTN	Luật
281	01079715	NGUYỄN THỊ HỒNG ÁNH	HTN	Luật
282	01100082	MAI PHƯƠNG LINH	HTN	Luật
283	24007308	NGUYỄN NHƯ Ý	HTN	Luật
284	01026665	PHẠM XUÂN UYÊN	HTN	Luật
285	01099674	TRẦN THỊ KIỀU TRINH	HTN	Luật
286	01011361	NGUYỄN HỮU ĐỨC	HTN	Luật
287	10000830	VI THANH HUYỀN	HTN	Luật
288	19000827	TRẦN VŨ TUYẾT MAI	HTN	Luật
289	23001732	ĐINH TUẤN ĐẠT	HTN	Luật
290	47000040	PHẠM HỒ VÂN ANH	HTN	Luật
291	01081234	NGUYỄN THỊ THU UYÊN	HTN	Luật
292	09000796	TRẦN TRUNG HIẾU	HTN	Luật
293	13002352	DƯƠNG ANH TÀI	HTN	Luật
294	21010781	TRẦN KHẮC PHÁT	HTN	Luật
295	26011028	NGUYỄN THỊ HỒNG MAI	HTN	Luật
296	01006240	VŨ HOÀNG NAM	HTN	Luật
297	01034039	ĐÀO THỊ TRÀ MY	HTN	Luật
298	01037262	NGUYỄN THÙY LINH	HTN	Luật
299	10002448	PHẠM HẢI LONG	HTN	Luật